

Bản án số: 03/2018/HS-ST

Ngày: 07 - 3 - 2018

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Xuân Tiếng
2. Ông Phạm Công Luận

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Ánh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2018/TLST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/HSXXST-QĐ ngày 22 tháng 02 năm 2018 đối với các bị cáo:

Phan Văn C. Sinh năm 1970 tại Bến Tre.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp GS, xã TLT, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Làm vườn; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn N và bà Nguyễn Thị M; Vợ Nguyễn Thị C; Con: 01 người sinh năm 2005; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

Nguyễn Văn T. Sinh năm 1986 tại Bến Tre.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp GS, xã TLT, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn E và bà Lê Thị H; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: tốt; Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

* Bị hại: Huỳnh Thị Kim H. Sinh năm 1981. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp TT, xã TH, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 01/11/2017, Phan Văn C rủ Nguyễn Văn T đến nhà Huỳnh Thị Kim H ở ấp Tân Thị Đình, xã Tân Hào, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre trộm cây mai chiếu thủy đem về trồng, T đồng ý. Đến khoảng 01 giờ ngày 02/11/2017, C điện thoại T qua nhà C cùng đi trộm cây mai trên. C điều khiển xe máy không biển số và nhãn hiệu chở T đến nhà chị H. C đứng đợi bên ngoài lộ cảnh giới. T vào sân nhà chị H búng 01 gốc cây mai chiếu thủy đang trồng trong chậu bê tông. T và C đem cây mai để lên xe, T điều khiển, C đi bộ phía sau vịn cây mai. T và C đi được khoảng 50m thì bị Nguyễn Thị Mỹ Lệ (người cùng xóm nhà chị H) phát hiện, nghi vấn và truy hô nên T và C bỏ chạy. Bị anh Phạm Minh Tùng (chồng chị Lệ) truy đuổi, T bỏ xe và cây mai dọc đường, C điện thoại cho Từ Văn Mứt đến rút. Mứt điều khiển xe mô tô biển số 54X7-2539 của Nguyễn Trọng Nghĩa đến rút C về. Trên đường về, thấy Tùng còn truy đuổi, C xuống xe chạy bộ một mình, Tùng bắt được Mứt và báo công an xã Tân Hào giải quyết sự việc.

Cơ quan điều tra tạm giữ: 02 xe mô tô (01 xe không biển số và nhãn hiệu, 01 xe biển số 54X7-2539), 01 cây mai chiếu thủy, 01 đèn pin màu đen, 01 cái bay làm hồ, 01 sợi dây ràng, 01 cái kéo cắt kiềng, 01 điện thoại di động hiệu Mobistar có sim số 01628392896 của Phan Văn C.

Huỳnh Thị Kim H đã nhận lại cây mai chiếu thủy, không yêu cầu gì khác và có đơn bãi nại cho C.

Theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận cây mai chiếu thủy trị giá là 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng).

Cơ quan điều tra đã trả lại 01 xe mô tô không biển số và nhãn hiệu cho Trần Văn Kén, 01 xe mô tô biển số 54X7-2539 cho Nguyễn Trọng Nghĩa. Cả ba người Kén, Nghĩa, Mứt đều không biết C đi trộm cắp tài sản.

Trong quá trình điều tra, Phan Văn C, Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của C, T là phù hợp với lời khai của bị hại các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số: 03/CT-VKSGT, ngày 22/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo Phan Văn C, Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, đề nghị xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn quy định tại điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Ngoài ra bị cáo

C có cậu ruột là liệt sĩ, người bị hại có đơn xin bãi nại quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009; tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phan Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”, áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20, Điều 53, Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo Phan Văn C từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20, Điều 53, Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Không

Về trách nhiệm dân sự: Đã xử lý xong.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 đèn pin màu đen, 01 cái bay làm hồ, 01 sợi dây ràng, 01 cái kéo cắt kiềng, 01 điện thoại di động hiệu Mobistar, số IMEI 35224202090675 có sim số thuê bao 01628392896.

Tại phiên Tòa, các bị cáo Phan Văn C, Nguyễn Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, không tranh luận, bào chữa gì mà tỏ ra ăn năn với lỗi lầm.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Xin Tòa giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Giồng Trôm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Khoảng 01 giờ ngày 02/11/2017, Phan Văn C cùng Nguyễn Văn T đã trộm cắp 01 cây mai chiếu thủy (mai kiểng) trị giá 5.500.000 của bà Huỳnh Thị Kim H tại ấp Tân Thị Đình, xã Tân Hào huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Các bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có năng lực trách nhiệm hình sự. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Phan Văn C, Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt

được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh đối với các bị cáo là đúng người đúng tội, đúng pháp luật. Chính các bị cáo cũng thừa nhận hành vi của các bị cáo đã phạm tội Trộm cắp tài sản, chỉ yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là trực tiếp xâm phạm sở hữu tài sản hợp pháp của người khác. Tuy nhiên, việc trộm cắp của các bị cáo đã được người dân phát hiện ngăn chặn kịp thời, chưa được hưởng lợi từ việc trộm cắp.

[4] Về nguyên nhân, mục đích, động cơ phạm tội của bị cáo: Xuất phát từ bản tính tham lam, tư lợi mà các bị cáo bất chấp pháp luật cố ý phạm tội. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó và mong muốn hậu quả xảy ra để đạt mục đích.

[5] Về phương thức, thủ đoạn của các bị cáo là lén lút vào giữa đêm khuya vắng người mở hàng rào kẽm đột nhập vào bên trong để chiếm đoạt tài sản. Tại phiên tòa, bị cáo C khai đã có ý định trộm cắp tài sản trước đó khoảng 10 ngày nên đã có sự quan sát, theo dõi trước.

[6] Về tính chất, vai trò đồng phạm của các bị cáo: Việc trộm cây mai của bà Huỳnh Thị Kim H được các bị cáo thống nhất và chuẩn bị phương tiện, công cụ. Tuy nhiên không có bàn bạc, phân công vai trò cụ thể, không có sự câu kết chặt chẽ giữa các bị cáo nên xác định đây là trường hợp đồng phạm giản đơn. Đối với bị cáo C là người khởi xướng, rủ rê T cùng nhau trộm cắp. Khi thực hiện việc trộm cắp, C giữ vai trò cảnh giới phía ngoài và hỗ trợ cho T khi T trộm được cây mai đem ra. Đối với bị cáo T khi C rủ đồng ý và khi C điện thoại có mặt ngay, lúc đầu với vai trò là người giúp sức nhưng sau đó đã thực hiện hành vi phạm tội tích cực cho nên vai trò của các bị cáo trên thực tế là ngang nhau.

[7] Về nhân thân của các bị cáo: Các bị cáo không có tiền án, tiền sự nên được xem là có nhân thân tốt.

[8] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Ngoài tình tiết định tội các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Sau khi phạm tội tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo và có thái độ ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Ngoài ra, người bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo C. Do đó, bị cáo C được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Riêng Viện kiểm sát đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo có cậu là liệt sĩ là chưa đúng quy định.

[10] Qua cân nhắc tính chất, mức độ của vụ án, hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng cho nên xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách giao cho chính quyền địa phương nơi cư trú phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện cảm hóa, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội. Theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nên được chấp nhận.

[11] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Do đó, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo T không nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định, hoàn cảnh gia đình bị cáo C khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản bị mất không có yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại gì thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[13] Về xử lý vật chứng: Xe mô tô không biển số và nhãn hiệu mà C và T sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội thuộc sở hữu của Trần Văn Kên cho C mượn trước đó. Ông Kên không biết C sử dụng xe mô tô trên để đi trộm cắp tài sản. Xe mô tô biển số 54X7-2539 mà Mướt dùng để đi rước bị cáo C thuộc sở hữu của Nguyễn Trọng Nghĩa cho Mướt mượn trước đó, ông Nghĩa và Mướt không biết C đi trộm cắp tài sản. Cơ quan điều tra đã trả lại 02 xe mô tô trên cho chủ sở hữu là phù hợp, đúng quy định pháp luật. Các vật chứng khác gồm 01 đèn pin màu đen, 01 cái bay làm hồ, 01 sợi dây ràng, 01 cái kéo cắt kiềng, 01 điện thoại di động hiệu Mobistar, số IMEI 35224202090675 có sim số thuê bao 01628392896 các bị cáo sử dụng làm công cụ để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản hiện không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[14] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Phan Văn C, Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20, Điều 53, Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Phạt: Phan Văn C

09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án là ngày 07/3/2018.

Căn cứ khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20, Điều 53, Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Phạt: Nguyễn Văn T 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án là ngày 07/3/2018.

Giao các bị cáo Phan Văn C, Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Tân Lợi Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phối hợp với gia đình giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

[2] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc mỗi bị cáo Phan Văn C, Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[3] Về vật chứng: Căn cứ Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy: 01 đèn pin màu đen, 01 cái bay làm hồ, 01 sợi dây ràng, 01 cái kéo cắt kiềng, 01 điện thoại di động hiệu Mobistar, số IMEI 35224202090675 có sim số thuê bao 01628392896 (Theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Công an huyện Giồng Trôm và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm ngày 26/01/2018).

[4] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07/3/2018); bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm (đã có giải thích án treo).

Nơi nhận:

- Các bị cáo, bị hại;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Công an huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thế Dũng

